

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật đất đai;*

*Xét Tờ trình số 886/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của UBND
tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh
mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng
Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp
chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định

tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với tổng diện tích 1.000,48 ha, bao gồm: 224,55 ha đất trồng lúa, 15,66 ha đất rừng phòng hộ và 760,27 ha đất khác. Trong đó:

1.1. Bổ sung mới 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 174,06 ha, bao gồm: 72,28 ha đất trồng lúa và 101,78 ha các loại đất khác.

1.2. Bổ sung mới 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 469,82 ha, bao gồm: 109,92 ha đất trồng lúa; 0,9 ha đất rừng phòng hộ và 359,0 ha các loại đất khác.

1.3. Bổ sung mới 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với diện tích 3,21 ha, bao gồm: 2,44 ha đất trồng lúa và 0,77 ha các loại đất khác.

1.4. Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 353,39 ha, bao gồm: 39,91 ha đất trồng lúa, 14,76 ha đất rừng phòng hộ và 298,72 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 với diện tích 10,0 ha, bao gồm: 7,67 ha đất trồng lúa và 2,33 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.



Trần Hải Châu

Phụ lục

BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
A	Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013			1.000,48	224,55	15,66	760,27
I	Bổ sung 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			174,06	72,28		101,78
1	Khu đô thị - Dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Cam Liên tại xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	42,72			42,72
2	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế, phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	9,60	5,19		4,41
3	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,00			10,00
4	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10,90	7,00		3,90
5	Khu nhà ở thương mại phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	8,06	7,36		0,70



Thu

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
6	Khu nhà ở thương mại Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	6,45	5,80		0,65
7	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng chính phủ)	Đức Ninh Đông, Nam Lý	Đồng Hới	30,44	19,94		10,50
8	Khu nhà ở thương mại tại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	An Thủy	Lệ Thủy	4,30	2,00		2,30
9	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	11,35	9,27		2,08
10	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 4, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	9,80	7,61		2,19
11	Khu đô thị Hải Ninh 2	Hải Ninh	Quảng Ninh	20,00			20,00
12	Dự án Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	10,44	8,11		2,33
II	Bổ sung 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			469,82	109,92	0,90	359,00
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Quảng Thọ	Ba Đồn	7,49	5,96		1,53

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (thảm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Lộc Ninh	Đồng Hới	14,29	12,00		2,29
3	Nhà văn hóa Tổ dân phố 6 Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0,21	0,17		0,04
4	Trụ sở Công an phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	0,23	0,23		
5	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0,50	0,50		
6	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,50			0,50
7	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	Phú Hải, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	12,28	9,75		2,53
8	Phát triển quỹ đất xen kẽ khu dân cư	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0,43	0,41		0,02
9	Dự án đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu Công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu (mở rộng giai đoạn 3)	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Quán Hàu	Huyện Quảng Ninh	4,13	0,12		4,01
10	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Cừ	Nam Lý, Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0,50			0,50
11	Đường nối từ đường Bà Tró đến đường Long Đại	Hải Thành	Đồng Hới	0,70		0,55	0,15
12	Đường xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	Bắc Lý	Đồng Hới	0,08			0,08

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
13	Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế Tây Nam xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	3,00			3,00
14	Nâng cấp đường Cao Thắng	Lộc Ninh	Đồng Hới	1,50	0,95		0,55
15	Nâng cấp đường nối từ đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường khu dân cư phía Nam thư viện tỉnh	Nam Lý	Đồng Hới	0,22			0,22
16	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp ra biển	Bảo Ninh	Đồng Hới	0,67			0,67
17	Đường đi vào dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ	Phù Hải	Đồng Hới	0,35	0,17		0,18
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường mầm non, Nhà văn hóa thôn Tân Phú, Trụ sở Quân sự xã Quang Phú (Hạng mục Trường mầm non)	Quang Phú	Đồng Hới	0,60			0,60
19	Khu tái định cư tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	2,00	1,80		0,20
20	Đất ở nông thôn khu đất chợ Thuận Đức cũ (thôn Thuận Vinh)	Thuận Đức	Đồng Hới	0,38			0,38
21	Khu đất ở Tổ dân phố 7	Hải Thành	Đồng Hới	0,65			0,65

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
22	Nhà thi đấu đa năng huyện Lệ Thủy	TT Kiên Giang	Lệ Thủy	3,80	2,70		1,10
23	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 1, thôn An Định)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0,30			0,30
24	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 2, thôn Thạch Thượng 2)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0,40			0,40
25	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Giai đoạn 1, 2, 3)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	1,30			1,30
26	Đất ở nông thôn xã Mai Thủy	Mai Thủy	Lệ Thủy	0,40	0,35		0,05
27	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 1, thôn Lộc Thượng)	An Thủy	Lệ Thủy	0,35	0,30		0,05
28	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 2, thôn Lộc Hạ)	An Thủy	Lệ Thủy	0,30	0,25		0,05
29	Đất ở nông thôn xã Lộc Thủy	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0,29	0,24		0,05
30	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0,39	0,34		0,05
31	Đất ở nông thôn xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0,35	0,32		0,03
32	Đất ở nông thôn xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	Lệ Thủy	0,50			0,50
33	Sửa chữa nâng cấp các hồ, đập xung yếu tỉnh Quảng Bình: Sửa chữa nâng cấp đập bảo an toàn đập Khe Dối, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Trung Hóa	Minh Hóa	53,20	0,02		53,18
34	Cải tạo đường sắt khu vực Đèo Khe Nét, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	Hương Hóa, Kim Hóa	Tuyên Hóa	54,98			54,98
35	Đường phục vụ du lịch Hà Môn	Cự Năm	Bố Trạch	3,17	0,39		2,78

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	Vạn Trách, Sơn Lộc	Bố Trách	1,03	0,95		0,08
37	Tạo quỹ đất khu Nam Năm xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trách	3,05	2,50		0,55
38	Tạo quỹ đất ở tại ngã ba Hưng Trách, xã Hưng Trách	Hưng Trách	Bố Trách	3,23			3,23
39	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đường liên xã từ thị trấn Phong Nha đến xã Liên Trách (đoạn ven sông Sơn và xã Liên Trách)	Liên Trách	Bố Trách	0,24			0,24
40	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Đồng Bùn	Lý Trách	Bố Trách	5,10	0,61		4,49
41	Đường giao thông nông thôn khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trách	Lý Trách	Bố Trách	0,15			0,15
42	Nhà Chức năng trường mầm non Mỹ Trách	Mỹ Trách	Bố Trách	0,50			0,50
43	Đầu tư khai thác phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Động Cát	Đại Trách	Bố Trách	2,90	0,70		2,20
44	Tạo quỹ đất thôn 1, xã Bắc Trách, huyện Bố Trách	Bắc Trách	Bố Trách	2,27	1,55		0,72
45	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị Hoàn Lão	Hoàn Lão	Bố Trách	1,37	0,70		0,67
46	Bồi thường bằng đất khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phương Bùn đi Nhà văn hóa tiểu khu 4)	Hoàn Lão	Bố Trách	0,05			0,05
47	Đường liên xã Hạ Trách - Mỹ Trách (đoạn giữa đồng)	Hạ Trách, Mỹ Trách	Bố Trách	0,42	0,21		0,21

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
48	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Tây bến xe Hoàn Lão, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	2,78	1,60		1,18
49	Đường từ Km 56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	3,77	0,38	0,35	3,04
50	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngư Thủy và đến xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy, Ngư Thủy	Lệ Thủy	12,07			12,07
51	Nhà ở phục vụ cán bộ, công nhân tại Khu kinh tế Hòn La của Công ty Cổ phần Wood Hong Phúc	Quảng Đông	Quảng Trạch	2,04	1,86		0,18
52	Khu Nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites & Residence của Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	1,95	0,27		1,68
53	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	4,30			4,30
54	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	Phú Thủy	Lệ Thủy	2,12	2,07		0,05
55	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	Phú Thủy	Lệ Thủy	8,63	7,53		1,10

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
56	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1,38			1,38
57	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1,00	0,97		0,03
58	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0,70			0,70
59	Khu tái định cư tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0,52	0,50		0,02
60	Khu tái định cư tại xã Kim Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Kim Thủy	Lệ Thủy	3,00			3,00
61	Khu tái định cư tại xã Trường Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Trường Thủy	Lệ Thủy	4,74			4,74
62	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	5,00			5,00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
63	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 1) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	1,00		1,00	
64	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 2) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0,50		0,50	
65	Khu tái định cư phân tán cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 2)	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0,13	0,10	0,03	
66	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	4,00		4,00	
67	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy	Lệ Thủy	15,00		15,00	
68	Khu tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân phải di dời (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,49	0,42	0,07	
69	Khu tái định cư cho 23 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1,71	1,00	0,71	
70	Trường mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	1,18	1,16	0,02	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
71	Sân vận động xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,79	0,79		
72	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	4,00			4,00
73	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	12,00			12,00
74	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực đồng Âm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	2,96	0,18		2,78
75	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực Rào Nan (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	5,00			5,00
76	Điểm tập kết bãi thải khu vực đồng Cát (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Minh	Ba Đồn	2,00			2,00
77	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cựu 1, thôn Cao Cựu (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1,10	1,00		0,10

✓

luce

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
78	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cự 2, thôn Cao Cự (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1,20	0,35		0,85
79	Điểm tập kết bãi thải khu vực thôn Vĩnh Phú (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1,00	0,27		0,73
80	Trụ sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,60	0,60		
81	Trạm Y tế xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,12			0,12
82	Trường mầm non xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,30	0,30		
83	Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,27	0,27		
84	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,58	0,58		
85	Chợ Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0,36			0,36

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
86	Điểm tập kết bãi thải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1,00	1,00		
87	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Thuận	Ba Đồn	4,80			4,80
88	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Phúc	Ba Đồn	10,10	8,22		1,88
89	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1,00	0,90		0,10
90	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (di dời mộ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7,90			7,90
91	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	2,60	2,20		0,40
92	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1,70	1,70		
93	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (di dời mộ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1,15			1,15

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
94	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tam Đa (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	10,00			10,00
95	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Vân Tiên (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	14,00			14,00
96	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phù Lưu (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	12,00			12,00
97	Khu tái định cư tại Đồng Cây Lội thôn Vân Tiên (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1,18		0,91	0,27
98	Khu tái định cư tại đồng Chợ thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1,65		1,65	
99	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	1,65		1,60	0,05
100	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2,80		2,49	0,31

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
101	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hương Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7,10			7,10
102	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hương Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	10,30			10,30
103	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2,13	2,13		
104	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	5,51	5,02		0,49
105	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 1	Cánh Hóa	Quảng Trạch	0,47	0,10		0,37
106	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 2	Cánh Hóa	Quảng Trạch	2,13	2,13		
107	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật tái định cư và khu dân cư thôn Tân Định - Hiến Trung	Hải Ninh	Quảng Ninh	3,30			3,30
108	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư thôn Lệ Kỳ, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	4,79	1,00		3,79

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
109	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Chợ Gộ, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	2,00		2,00	
110	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Long Đại xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	4,60	2,00	2,60	
111	Khu tái định cư và khu dân cư xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	1,70		1,70	
112	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4,43		4,43	
113	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	3,12	0,93	2,19	
114	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,76	0,27	0,49	
115	Khu tái định cư khu vực thôn Hòa Sơn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,49	0,47	0,02	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
116	Khu tái định cư khu vực thôn Tây Nấm, xã Cự Nấm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nấm	Bố Trạch	0,40	0,40		
117	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Định	Bố Trạch	4,35			4,35
118	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	0,96	0,86		0,10
119	Khu tái định cư khu vực thôn Rầy, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	1,09	0,67		0,42
120	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (T92), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	5,39			5,39
121	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (đất lè), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0,26			0,26
122	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị - Dũng Cảm, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	13,50	1,41		12,09

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
123	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	1,84		1,84	
124	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	2,51		2,51	
125	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1,01	1,01		
126	Khu tái định cư khu vực thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1,51	1,51		
127	Trường mầm non Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,39	0,37		0,02
128	Trường tiểu học số 3 Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,61			0,61
129	Trường tiểu học cơ sở Bắc Dinh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	0,70			0,70

luoc

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
130	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0,40			0,40
131	Khu tái định cư khu vực trụ sở UBND xã cũ (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đông Trạch	Bố Trạch	0,12			0,12
132	Khu tái định cư khu vực đổi diện cây xăng Đông Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đông Trạch	Bố Trạch	0,15	0,12		0,03
133	Khu tái định cư khu vực phía Tây đường ven biển nối từ đường ven biển đi đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đông Trạch	Bố Trạch	2,17	2,00		0,17
134	Khu tái định cư khu vực phía Bắc trường THCS Đồng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đông Trạch	Bố Trạch	0,58	0,46		0,12
135	Khu tái định cư khu vực phía Nam chợ Đức Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0,16			0,16
136	Khu tái định cư khu vực giáp đường ven biển (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0,53			0,53
137	Khu tái định cư khu vực phía Bắc đôn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	1,79			1,79

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
138	Khu tái định cư khu vực phía Nam đôn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	2,00		2,00	
III	Bổ sung 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013			3,21	2,44	0,77	
1	Trường mầm non Koharu	Lộc Ninh	Đồng Hới	0,49	0,49		
2	Trung tâm cung ứng giống cây trồng và sơ chế nguyên liệu gỗ rừng trồng	Hồng Hóa	Mình Hóa	2,09	1,33	0,76	
3	Cửa hàng xăng dầu Thành Công 2	Sen Thủy	Lệ Thủy	0,63	0,62	0,01	
IV	Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013)			353,39	39,91	298,72	14,76
1	Cầu Nhật Lệ 3 (Cầu Nhật Lệ 3 và tuyến đường nối từ Cầu Nhật Lệ 3 đến đường Võ Nguyên Giáp)	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	18,30	1,00	17,30	
	Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu (dự án thành phần 2 thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	17,51		17,51	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
2	Dự án Khu nhà ở thương mại tại Trung tâm hành chính huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	16,50		16,50
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	16,50		16,50
3	Xây dựng trụ sở và khu dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Phú Lâm	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,54	0,49	0,05
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	0,56	0,51	0,05
4	Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa	Đã phê duyệt	Thượng Hóa	Minh Hóa	0,10		0,10
		Nay điều chỉnh	Thượng Hóa	Minh Hóa	0,10	0,10	
5	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Mai Thủy	Lệ Thủy	2,50	2,20	0,30
		Nay điều chỉnh	Mai Thủy	Lệ Thủy	2,94	2,83	0,11
6	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngư Thủy Bắc	Đã phê duyệt	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	20,00		20,00
		Nay điều chỉnh	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	20,06		20,06

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
7	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1,80		1,80	
		phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1,80	0,22	1,58	
8	Tuyến đường ven biển (thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	189,47	6,71	8,33	174,43
		Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	199,33	6,22	14,66	178,45

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó								
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác						
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	13,72	1,97		11,75						
								Đã phê duyệt	Võ Ninh	Quảng Ninh	20,50	1,00	19,50
								Nay điều chỉnh					
10	Dự án HTKT dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	9,90	6,61		3,29						
								Đã phê duyệt	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	10,43	8,99	1,44
								Nay điều chỉnh					
11	Đất ở tại nông thôn xã Hưng Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0,38	0,37		0,01						
								Đã phê duyệt	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0,38	0,37	0,01
								Nay điều chỉnh					
12	Khu nhà ở thương mại Đá Lả	TT Quán Hâu	Quảng Ninh	6,52			6,52						
								Đã phê duyệt	TT Quán Hâu	Quảng Ninh	6,52	0,18	6,34
								Nay điều chỉnh					
13	Khu đô thị Bảo Ninh 1 (Đợt 2)	Bảo Ninh	Đồng Hới	5,74			5,74						
								Đã phê duyệt	Bảo Ninh	Đồng Hới	6,24		6,24
								Nay điều chỉnh					
14	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Tây Bắc đường Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4,40	1,20		3,20						
								Đã phê duyệt	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4,40	1,20	3,20
								Nay điều chỉnh	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4,40	1,50	2,90

21
blue

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
15	Cầu Lộ Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	Đã phê duyệt	An Thủy, Lộ Thủy	5,05	3,50		1,55
16	Đường từ tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)	Nay điều chỉnh	An Thủy, Lộ Thủy	6,86	2,70		4,16
17	Đường giao thông tuyến Trầm Mé đi thôn Na, TT Phong Nha	Đã phê duyệt	Hoàn Lão, Tây Trạch	8,50	3,63		4,87
18	Dự án phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hoá (Đợt 1)	Nay điều chỉnh	Hoàn Lão, Tây Trạch	10,91	6,16		4,75
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc	Đã phê duyệt	Phong Nha	3,76	0,02		3,74
B	Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (Điểm 54, Mục I, Phần A Phụ lục I)	Nay điều chỉnh	Phong Nha	6,04	0,04		6,00
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh	Đã phê duyệt	Tiến Hóa	4,39	3,63		0,76
		Nay điều chỉnh	Tiến Hóa	4,51	3,65		0,86
			Tuyên Hóa	16,09	4,82		11,27
			Tuyên Hóa	17,80	5,91		11,89
				10,00	7,67		2,33
			Đức Ninh	10,00	7,67		2,33

Ghi chú: 173 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng đặc dụng

Muc